

# TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2018

## 1. Tăng trưởng kinh tế

Năm 2018, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh tăng 7,89% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,94%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,12%, đóng góp 2,08 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 8,01%, đóng góp 4,87 điểm phần trăm.

Trong khu vực dịch vụ mức tăng so với năm trước của 9 ngành dịch vụ chủ yếu như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,36% vận tải kho bãi tăng 8,17%, khách sạn và nhà hàng tăng 4,03%, thông tin truyền thông tăng 8,58%, hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,30%, kinh doanh bất động sản tăng 5,19%, hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ tăng 6,81%, giáo dục và đào tạo tăng 8,04%, y tế và hoạt động cứu trợ xã hội tăng 7,02%.

Quy mô GRDP theo giá hiện hành đạt 1.225.544 tỷ đồng, tương đương 53,2 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người đạt 138,8 triệu, tương đương 6.021 USD, tăng 366 USD so với 2017. Về cơ cấu GRDP năm 2018: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 0,67%, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 24,78%, khu vực dịch vụ chiếm 61,65%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 12,90%.

## 2. Thu, chi ngân sách Nhà nước và Bảo hiểm

Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2018 ước tính đạt 378.395 tỷ đồng, tăng 9,7% so với năm 2017. Tổng chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước tính đạt 85.528 tỷ đồng.

Tổng số thu bảo hiểm năm 2018 đạt 58.284 tỷ đồng, tăng 13,2% so với năm 2017. Trong đó, thu bảo hiểm xã hội đạt 43.132 tỷ đồng, tăng 12,1%; bảo hiểm y tế đạt 11.592 tỷ đồng, tăng 18,2%; bảo hiểm thất nghiệp đạt 3.560 tỷ đồng, tăng 12,2%. Tổng chi bảo hiểm xã hội năm 2018 đạt 33.538 tỷ đồng, tăng 15,8% so với năm 2017. Trong đó, chi bảo hiểm xã hội 21.544 tỷ đồng, tăng 18,1%; bảo hiểm y tế 9.477 tỷ đồng, tăng 9,5%; bảo hiểm thất nghiệp 2.517 tỷ đồng, tăng 22%. Tổng số dư bảo hiểm cuối năm 2018 đạt 24.746 tỷ đồng, tăng 10%.

## 3. Đầu tư

Tổng vốn đầu tư xã hội năm 2018 theo giá hiện hành đạt 450.990 tỷ đồng. Trong đó, khu vực nhà nước đạt 58.367 tỷ đồng, chiếm 12,9% trong tổng vốn; khu vực ngoài Nhà nước đạt 331.366 tỷ đồng, chiếm 73,5% và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 61.257 tỷ đồng, chiếm 13,6%. Tổng vốn đầu tư xã hội năm

2018 theo giá so sánh 2010 đạt 319.014 tỷ đồng, tăng 7,1% so với năm 2017. Trong đó, khu vực nhà nước đạt 41.287 tỷ đồng, giảm 5,4%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 234.396 tỷ đồng, tăng 11% và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài 43.331 tỷ đồng, tăng 0,23%.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, năm 2018 có 1.060 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 812 triệu USD, tăng 25,4% về số lượng dự án và giảm 65,7% về vốn so với năm 2017. Điều chỉnh tăng vốn đầu tư có 244 dự án, số vốn tăng thêm 835 triệu USD. Bên cạnh đó, trong năm 2018 có 3.283 trường hợp góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 5.992 triệu USD.

#### **4. Chỉ số giá**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2018 tăng 3,71% so với tháng 12/2017. CPI bình quân năm 2018 tăng 3,05% so với bình quân năm 2017.

Chỉ số giá vàng tháng 12 năm 2018 giảm 0,15% so với cùng kỳ năm trước, bình quân năm 2018 tăng 0,37% so với bình quân năm 2017. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12 năm 2018 tăng 2,68% so với cùng kỳ năm trước; bình quân năm 2018 tăng 1,11% so với bình quân năm 2017.

#### **5. Kết quả sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực**

##### **Nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Nông nghiệp Thành phố năm 2018 tiếp tục chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị, phát triển các sản phẩm ứng dụng công nghệ, giá trị kinh tế cao, phân đầu trở thành trung tâm giống sản xuất chất lượng của khu vực phía Nam. Bên cạnh đó, Thành phố cũng thực hiện các chính sách hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và kết nối thị trường tiêu thụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người nông dân mạnh dạn trong việc phát triển sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn.

Diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 40.108 ha, giảm 3,4% so với năm 2017. Trong đó, diện tích lúa 16.919 ha, giảm 11,8% so với năm trước; rau các loại 7.693 ha, giảm 2,9%; hoa lan 647 ha, tăng 10,8%. Sản lượng lúa đạt 79.119 tấn, giảm 8,5%; rau các loại đạt 243.093 tấn, tăng 5,4%; hoa lan 48.066 ngàn cành, tăng 10%.

Tại thời điểm 1/10/2018, đàn trâu có 4.748 con, giảm 11,7% so với cùng thời điểm năm 2017. Đàn bò 123.767 con, giảm 1%; trong đó, đàn bò sữa là 81.280 con, giảm 3,7%. Đàn heo có 290.152 con, giảm 4,2%. Đàn gia cầm có 354.500 con, giảm 26,4%.

Diện tích trồng rừng tập trung là 93 ha, giảm 1,1% so với năm 2017; diện tích rừng được quản lý bảo vệ là 35.794 ha. Sản lượng gỗ khai thác đạt 10.962 m<sup>3</sup>, giảm 0,3%; nguyên liệu giấy ngoài gỗ 58.797 tấn, tăng 0,1%.

Sản lượng thủy sản đạt 61.825 tấn, tăng 2,3% so với năm 2017. Trong đó, sản lượng thủy sản khai thác đạt 19.488 tấn, chiếm 31,5% tổng số, giảm 1,8%; sản lượng nuôi trồng đạt 42.337 tấn, chiếm 68,5%, tăng 4,2%. Sản lượng cá 19.240 tấn, giảm 3,2%; tôm 15.980 tấn, tăng 2,9% và thủy sản khác 26.605 tấn, tăng 6,1%.

### **Công nghiệp**

Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2018 tăng 7,95% so với năm 2017. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 0,29%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,05%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,88%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,7%.

Trong năm 2018, một số ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số sản xuất tăng cao so với năm trước, đóng góp vào mức tăng chung của ngành công nghiệp: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 14,74%; Dệt tăng 12,7%; Sản xuất thiết bị điện tăng 11,16%; sản xuất trang phục tăng 11,29%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 45,44%;

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2018 tăng 8,34% so với năm 2017. Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 31/12/2018 tăng 11,58% so với cùng thời điểm năm 2017.

### **Thương mại và dịch vụ**

Hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn năm 2018 tiếp tục có mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2018 đạt 1.010.420 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2017. Giá trị này có vai trò quan trọng trong việc đóng góp vào sự phát triển 9 ngành dịch vụ chủ yếu của Thành phố. Công tác bình ổn thị trường, chính sách hỗ trợ, chương trình kết nối cung – cầu hàng hóa giữa thành phố và các tỉnh lân cận được phát huy hiệu quả, tạo điều kiện cho người tiêu dùng tiếp cận được với nguồn hàng có chất lượng, giá cả ổn định. Các đơn vị sản xuất tìm kiếm được nguồn hàng và thị trường tiêu thụ phù hợp. Ngoài ra, hệ thống phân phối hiện đại tăng trưởng cả về số lượng, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, thu hút người tiêu dùng đến mua sắm. Bên cạnh đó còn phải kể đến là sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn, góp phần quan trọng vào việc thay đổi phương thức kinh doanh truyền thống, thay đổi thói quen mua sắm của người tiêu dùng, thúc đẩy thanh toán điện tử.

Phân theo ngành kinh tế, doanh thu bán lẻ hàng hóa chiếm 58,6% trong tổng mức, đạt 592.572 tỷ đồng, tăng 13,2% so với năm 2017; trong đó, doanh thu nhóm hàng lương thực, thực phẩm đạt 100.059 tỷ đồng, tăng 12,6%; hàng may mặc đạt 38.648 tỷ đồng, tăng 9,7%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị 112.062 tỷ đồng, tăng 12,1%; gỗ và vật liệu xây dựng đạt 16.312 tỷ đồng, tăng 13,3%; Ô tô con 12 chỗ ngồi trở xuống và phương tiện đi lại đạt 40.668 tỷ đồng, tăng 14,0%; xăng dầu các loại và nhiên liệu đạt 63.571 tỷ đồng, tăng 14,5%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống chiếm 10,1% trong tổng mức, đạt 102.111 tỷ đồng, tăng 1,7% so

với năm 2017. Doanh thu lữ hành đạt 23.754 tỷ đồng, chiếm 2,4%, tăng 17,8%. Dịch vụ khác có doanh thu đạt 291.983 tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2017.

Trị giá xuất khẩu hàng hóa đạt 33.821 triệu USD, tăng 3,2% so với năm 2017; trị giá nhập khẩu hàng hóa đạt 39.734 tỷ đồng, tăng 7,3%.

Vận tải hành khách đạt 1.015,5 triệu lượt khách, tăng 16% so với năm 2017 và 24.772,2 triệu lượt khách.km, tăng 15,1%. Vận tải hàng hóa đạt 264,5 triệu tấn, tăng 11,2% và 155.059,2 triệu tấn.km, tăng 12%.

## **6. Một số vấn đề xã hội**

### **Dân số, lao động**

Dân số trung bình năm 2018 đạt 8,83 triệu người, tăng 2,2% so với năm 2017; bao gồm, dân số nam là 4,3 triệu người, chiếm 48,7%; dân số nữ là 4,53 triệu người, chiếm 51,3%. Dân số tại khu vực thành thị là 7 triệu người, chiếm đến 79,5%; dân số vùng nông thôn là 1,8 triệu người, chiếm 20,5%.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 4,52 triệu người, tăng 1,8% so với năm 2017. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các loại hình kinh tế là 4,44 triệu người, tăng 1,2%. Khu vực nhà nước là 531,69 nghìn người, tăng 0,1%; khu vực ngoài nhà nước 3,56 triệu người, tăng 1,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 353,36 nghìn người, tăng 3,2%. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chiếm 36,33%, giảm 0,36 điểm phần trăm so năm 2017.

### **Đời sống dân cư**

Thu nhập bình quân đầu người một tháng năm 2018 là 6.177 nghìn đồng, tăng 20,9% so với năm 2016.

### **Trật tự và an toàn xã hội**

Thành phố đã xảy ra 773 vụ tai nạn giao thông, giảm 4,7% so với năm 2017; làm chết 704 người, giảm 0,6%; bị thương 201 người, giảm 3,4%.

Số vụ cháy, nổ là 497 vụ, làm chết 27 người, bị thương 86 người. So với năm 2017, số vụ xảy ra cháy, nổ và tổng giá trị tài sản thiệt hại giảm rõ rệt so với năm 2017 với tỉ lệ lần lượt là giảm 50,6% và 85,1%.

*Khái quát lại, kinh tế - xã hội thành phố năm 2018 tiếp tục duy trì tăng trưởng khá. Mặc dù, diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế trong nước chịu tác động từ nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, giá dầu tăng mạnh. Tình hình thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng hoạt động sản xuất của người dân, tác động đến giá lương thực, thực phẩm. Đồng thời, còn nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình Thành phố phát triển và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, chính quyền địa phương đã có nhiều nỗ lực, thực hiện các giải pháp, kế hoạch, chương trình đột phá góp phần quan trọng trong duy trì tốc độ tăng trưởng, giữ vững vị trí là đầu tàu kinh tế của cả nước.*

Năm 2018 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố cụ thể hóa, hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Môi trường kinh doanh trên địa bàn Thành phố tiếp tục được cải thiện, thủ tục hành chính có nhiều tiến bộ. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Đời sống văn hóa tinh thần của người dân trên địa bàn ngày càng được nâng cao. Bên cạnh đó, Thành phố cũng tiếp tục đẩy mạnh việc giải ngân các công trình xây dựng cơ bản, rà soát phân bổ vốn đầu tư, tập trung ứng vốn cho dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên. Ngăn chặn tình trạng sốt đất tại các vùng ven.





# **OVERVIEW ON SOCIO-ECONOMIC STATUS IN HO CHI MINH CITY IN 2018**

## **1. Economic growth**

Gross Regional Domestic Product (GRDP) in 2018 rose to 7.89% against 2017, of which the agriculture, forestry and fishing sector increased to 5.94%, contributing 0.04 percentage points to overall economic growth rate; the industrial and construction sector grew up 8.12%, contributing 2.08 percentage points; the service sector increased to 8.01%, contributing 4.87 percentage points.

In terms of service sector, the economic growth rate of 9 service sectors compared to previous year is described as follow: wholesale and retail trade grew up 8.36%; transportation and logistics increased to 8.17%; accommodation and catering services reached 4.03%; communication increased 8.58%, financial, banking and insurance development increased 9.30%; the real estate business increased 5.19%; professional activities, science and technology increased 6.81%; education and training increased 8.04%; medical and social activities increased 7.02%.

GRDP at current price reached 1,225.5 trillion VNĐ in 2018, equivalent to 53.2 billion USD; GRDP per capita reached 138.8 million VNĐ, equivalent to 6,021 USD (up 366 USD over 2017). In terms of economic structure in 2018, the agriculture, forestry and fishery sector accounted for 0.67%; the industry and construction sector was 24.78%; the service sector made up 61.65% and the taxes less subsidies on products made up 12.90%.

## **2. Revenues and expenditures of the State budget and Insurance**

The total state budget revenue in 2018 is estimated at VND 378,395 billion, up 9.7% compared to 2017. The total State budget expenditure in the province is estimated at VND 85,528 billion.

Total insurance revenues in 2018 reached VND 58,284 billion, an increase of 13.2% compared to 2017. Of which, social insurance revenues reached VND 43,132 billion, an increase of 12.1%; health insurance reached 11,592 billion VNĐ, up 18.2%; Unemployment insurance reached 3,560 billion, up 12.2%. Total spending on social insurance in 2018 reached VND 33,538 billion, an increase of 15.8% compared to 2017. Of which, social insurance spending was VND 21,544 billion, up 18.1%; health insurance 9,477 billion, up 9.5%; unemployment insurance VND 2,517 billion, up 22%. Total insurance balance at the end of 2018 reached 24,746 billion dong, up 10%.

## **3. Investment**

Total social investment in 2018 at current prices reached VND 450,990 billion. In particular, the state sector reached VND 58,367 billion, accounting for 12.9% of the total capital; non-state sector reached 331,366 billion VNĐ, accounting for 73.5% and foreign direct investment area reached 61.257 billion

VND, accounting for 13.6%. Total social investment capital in 2018 at 2010 comparative price reached VND 319,014 billion, up 7.1% compared to 2017. Of which, the state sector reached VND 41,287 billion, down 5.4%; non-state sector reached VND 234,396 billion, up 11% and the area of foreign direct investment was VND 43,331 billion, up 0.23%.

In attracting foreign direct investment, in 2018, there were 1,060 new licensing projects with registered capital of 812 million USD, up 25.4% in number of projects and 65.7% in capital compared with the year 2017. Adjustment of investment capital with 244 projects, capital increase of 835 million USD. In addition, there were 3,283 cases of capital contribution and share purchase of foreign investors with a total capital contribution of US \$ 5,992 million in 2018.

#### **4. Price index**

Consumer price index (CPI) in December 2018 increased by 3.71% compared to December 2017. Average CPI in 2018 increased 3.05% compared to the average of 2017.

The gold price index in December 2018 decreased 0.15% compared to the same period last year, the average of 2018 increased 0.37% compared to the average of 2017. The US dollar price index in December 2018 increased 2.68 % compared to the same period last year; The average of 2018 increased by 1.11% compared to the average of 2017.

#### **5. Production and business results of a number of branches and domains**

##### **Agriculture, forestry and fisheries**

Agriculture in the city in 2018 continued to shift towards urban agriculture, developing products of high technology application, high economic value, striving to become a quality production center of the southern region. In addition, the City also implements policies to support financial, technical and consumer markets, creating favorable conditions for farmers to boldly develop the production of agricultural products. force in the area.

Annual cultivated area is estimated at 40,108 ha, down 3.4% compared to 2017. Of which, 16,919 ha of rice area, down 11.8% over the previous year; vegetables of 7,693 hectares, down 2.9%; orchids 647 ha, up 10.8%. Rice production reached 79,119 tons, down 8.5%; vegetables of all kinds reached 243.093 tons, up 5.4%; orchids 48,066 thousand branches, up 10%.

At the time of October 1, 2018, the buffalo herd was 4,748, down 11.7% compared to the same period in 2017. The herd of 123,767 cows, down 1%; in which, the number of dairy cows is 81,280, down 3.7%. Pigs have 290,152 animals, down 4.2%. There are 354,500 birds, down 26.4%.

The area of concentrated forestation is 93 ha, decreasing by 1.1% compared to 2017; 35,794 ha of protected forest area. The harvested timber output reached 10,962 m<sup>3</sup>, down 0.3%; 58,797 tons of wood outside materials, up 0.1%.

Fishery production reached 61,825 tons, an increase of 2.3% compared to 2017. In which, the exploited fishery output reached 19,488 tons, accounting for 31.5% of the total, down 1.8%; aquaculture production reached 42,337 tons, accounting for 68.5%, up 4.2%. Fish production was 19,240 tons, down 3.2%; shrimp 15,980 tons, up 2.9% and other seafood 26.605 tons, up 6.1%.

### **Industry**

Industrial production index in 2018 increased by 7.95% compared to 2017. In which, the mining industry decreased by 0.29%; processing and manufacturing industry increased 8.05%; electricity production and distribution by 7.88%; water supply, management and treatment of waste and wastewater increased by 5.7%.

In 2018, a number of secondary industries had a higher production index than the previous year, contributing to the overall growth of the industry: Production of electronic products, computers and optical products increased 14.74%; Textile increased by 12.7%; Production of electrical equipment increased by 11.16%; costume production increased by 11.29%; paper and paper products production increased by 45.44%;

Consumption index of the processing and manufacturing industry in 2018 increased by 8.34% compared to 2017. Inventory index of the processing and manufacturing industry at December 31, 2018 increased by 11.58 % compared to the same time in 2017.

### **Trade and services**

Commercial and service activities in the province in 2018 continued to grow compared to the same period last year. Total retail sales of consumer goods and services in 2018 reached VND 1,010,420 billion, an increase of 11,5% compared to 2017. This value plays an important role in contributing to the development of nine major service sectors of the City. The work of mayor stabilization, support policies and supply-demand connection programs between the city and neighboring provinces are effectively promoted, creating conditions for consumers to have access to quality goods. stable prices, prices and production units that seek suitable sources and markets. In addition, modern distribution system grows in both quantity and quality of products and services, attracting consumers to purchase. Besides, there is a strong development of e-commerce activities in the area, making an important contribution to changing traditional business methods, changing consumer shopping habits, promote electronic payment.



By economic sectors, retail sales of goods accounted for 58.6% of the total, reaching VND 592,572 billion, up 13.2% compared to 2017; in which, food and foodstuff group revenue reached 100,059 billion VND, up 12.6%; garments reached VND 38,648 billion, up 9.7%; equipment and tools 112,062 billion VND, up 12.1%; wood and construction materials reached VND 16,312 billion, up 13.3%; Cars with 12 seats or less and vehicles reached VND 40,668 billion, up 14.0%; types of fuel and fuel reached VND 63,571 billion, up 14.5%. Revenue from accommodation and catering services accounted for 10.1% of the total, reaching VND 102,111 billion, up 1.7% compared to 2017. Travel revenue reached VND 23,754 billion, accounting for 2.4%, up 17.8%. Other services have revenue of VND 291,983 billion, an increase of 11.2% compared to 2017.

Export value of goods reached 33,821 million USD, an increase of 3.2% compared to 2017; goods import value reached VND 39,734 billion, up 7.3%.

Passenger transport reached 1.015,5 million passengers, an increase of 16% compared to 2017 and 24,772.2 million passengers.km, an increase of 15.1%. Cargo transport reached 264.5 million tons, an increase of 11.2% and 155,059.2 million tons-kilometers, an increase of 12%.

## **6. Some social issues**

### **Population, labor**

The average population in 2018 reached 8.83 million, an increase of 2.2% compared to 2017; including, male population is 4.3 million people, accounting for 48.7%; female population is 4.53 million, accounting for 51.3%. The population in urban areas is 7 million, accounting for 79.5%; The rural population is 1.8 million, accounting for 20.5%.

The labor force aged 15 and over is 4.52 million people, an increase of 1.8% compared to 2017. Workers aged 15 and over are working in economic types of 4.44 million people, up 1.2%. The state sector is 531.69 thousand people, up 0.1%; non-state sector 3.56 million people, up 1.1%; foreign invested sector 353.36 thousand people, up 3.2%. The proportion of trained workers accounted for 36.33%, down 0.36 percentage points compared to 2017.

### **Residential life**

Per capita income in 2018 is 6.177 thousand dong, up 20.9% compared to 2016.

### **Social order and safety**

The city has 773 traffic accidents, down 4.7% compared to 2017; killing 704 people, down 0.6%; injured 201 people, down 3.4%.

Number of fire and explosion cases is 497 cases, killing 27, injuring 86 people. Compared to 2017, the number of fires and explosions and the total value

*of damaged assets decreased markedly compared to 2017 with a reduction of 50.6% and 85.1% respectively.*

*In general, the city's socio-economy in 2018 continued to maintain good growth. Although, taking place in the context of domestic economic growth affected by the slowing world economy, the US-China trade war, oil prices rose sharply. The weather situation is increasingly complicated, affecting production activities of people, affecting food and food prices. At the same time, there were many difficulties and challenges in the process of city development and international integration. However, local authorities have made great efforts, implementing breakthrough solutions, plans and programs that have played an important role in maintaining the growth rate and maintaining the position of the economic leader of the country.*

*2018 is the first year to implement Resolution 54/2017/QH14 on November 24, 2017 on piloting specific mechanisms and policies for Ho Chi Minh City development, concretizing and completing the targets, plan out. Business environment in the city continues to be improved, administrative procedures have much progress. Defense and security are enhanced, ensuring traffic order and safety. The cultural and spiritual life of the people in the area has been increasingly improved. In addition, the City continues to accelerate disbursement of capital construction projects, review investment capital allocation, focus capital on the project of Ben Thanh - Suoi Tien railway. Prevent soil fever in coastal areas.*